



Report N°: 0001097074

Page N° 1/7

Ho Chi Minh City, Date: September 18, 2025

TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 18/09/2025

PRELIMINARY REPORT

BÁO CÁO SƠ BỘ

JOB NO.: 2508A-5677

Đơn hàng: 2508A-5677

CLIENT'S NAME : CÔNG TY TNHH SX TMDV KHÁNH THỌ

Tên khách hàng

CÔNG TY TNHH SX TMDV KHÁNH THỌ

CLIENT'S ADDRESS : SỐ NHÀ 53, ĐƯỜNG YẾT KIỀU, PHƯỜNG TÂN HƯNG, TP HẢI PHÒNG, VIỆT NAM

Địa chỉ

SỐ NHÀ 53, ĐƯỜNG YẾT KIỀU, PHƯỜNG TÂN HƯNG, TP HẢI PHÒNG, VIỆT NAM

SAMPLE INFORMATION:

THÔNG TIN MẪU

Sampled/ Submitted by : Client

Được lấy/ gửi bởi

Khách hàng

Client's reference : Bánh đa cá rô đồng ăn liền

Chú thích của khách hàng

Sampling date : 22/08/2025

The above information is submitted and identified by the client/applicant.

Các thông tin trên được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng/người yêu cầu.

Sample description : Food (approx. gr. wt. 2.4kg) in full labeled plastic containers

Mô tả mẫu

Thực phẩm (khoảng 2.4kg bao gồm bao bì) chứa trong vật chứa bằng nhựa nhãn mác đầy đủ

Sample ID : 2508A-5677.001

Mã số mẫu

Date sample(s) received : August 29, 2025

Ngày nhận mẫu

29/08/2025

Testing period : August 29, 2025 - September 18, 2025

Thời gian thử nghiệm

29/08/2025 - 18/09/2025

Test(s) requested : As applicant's requirement

Yêu cầu thử nghiệm

Theo yêu cầu của khách hàng

Test result(s) : Please refer to the next page(s)

Kết quả kiểm nghiệm

Vui lòng tham khảo trang sau

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,

Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam

t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 0001097074

Page N° 2/7

TEST RESULT(S)

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
1. Total Plate Count (Mesophilic aerobic microorganism) <i>Tổng số vi sinh vật hiếu khí</i>	ISO 4833-1:2013/ Amd 1:2022	6.7x10 ³	-	10	cfu/g	
2. Total Coliforms <i>Coliform tổng</i>	ISO 4832:2006	<10	-	10	cfu/g	
3. Bacillus cereus <i>Bacillus cereus</i>	AOAC 980.31	2.8x10 ¹	-	10	cfu/g	
4. Clostridium perfringens <i>Clostridium perfringens</i>	ISO 15213-2:2023 ^(Δ)	<10	-	10	cfu/g	
5. E. coli <i>E. coli</i>	ISO 16649-2:2001	<10	-	10	cfu/g	
6. Salmonella spp. <i>Salmonella spp.</i>	ISO 6579-1:2017/ Amd 1:2020	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.9	-	cfu/25g	
7. Staphylococcus aureus <i>Staphylococcus aureus</i>	US FDA BAM Chapter 12	<10	-	10	cfu/g	
8. Total Yeast and Mold <i>Tổng nấm men và nấm mốc</i>	ISO 21527-2:2008	<10	-	10	cfu/g	
9. Vibrio parahaemolyticus <i>Vibrio parahaemolyticus</i>	NMKL No. 156 (1997)	<10	-	10	cfu/g	
10. Crude protein <i>Đạm thô</i>	ISO 1871:2009	9.45	0.03	0.1	g/100g	N x 6.25
11. Total carbohydrate <i>Cacbohydrat tổng</i>	AOAC 991.43 & AOAC 2020.07 ^(Δ)	55.92	-	-	g/100g	
12. Carbohydrate (not including dietary fiber) <i>Carbohydrat (không bao gồm xơ)</i>	AOAC 2020.07	54.26	0.05	0.18	g/100g	not incl. polyols & Note (2)
13. Dietary fiber (High molecular weight dietary fiber HMW DF) <i>Xơ (Xơ phân tử cao HMW DF)</i>	AOAC 991.43	1.66	0.1	0.4	g/100g	Note (F)
14. Energy (Viet Nam (VN) market) <i>Năng lượng (Thị trường Việt Nam)</i>	FAO Food and Nutrition Paper 77 (2003) ^(Δ)	284	-	-	kcal/100g	
15. Calories (United States (US) market) <i>Năng lượng (Thị trường Mỹ (US))</i>	FAO Food and Nutrition Paper 77 (2003) ^(Δ)	291	-	-	kcal/100g	

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,

Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam

t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn



Report N°: 0001097074

Page N° 3/7

Analyte <i>Chỉ tiêu phân tích</i>	Method <i>Phương pháp</i>	Result <i>Kết quả</i>	LOD	LOQ	Unit <i>Đơn vị</i>	Remark <i>Chú thích</i>
16. Total fat (sum of fatty acids, expressed as triglycerides) <i>Béo tổng (tổng của các axit béo, quy về triglycerides)</i>	LFOD-TST-SOP-8444 (GC-FID)	3.2839	0.0001	0.0003	g/100g	
17. Saturated fatty acids (SFA) <i>Hàm lượng axit béo bão hòa (SFA)</i>	LFOD-TST-SOP-8444 (GC-FID)	1.3634	0.0001	0.0003	g/100g	
18. Trans fatty acids (TFA) (sum of C14:1 (trans-), C16:1 (trans-), C18:1 (trans-), C18:2 (trans-), C18:3 (trans-), C20:1 (trans-), and C22:1 n-9 (trans-)) <i>Axit béo dạng Trans (TFA) (tổng của C14:1 (trans-), C16:1 (trans-), C18:1 (trans-), C18:2 (trans-), C18:3 (trans-), C20:1 (trans-), và C22:1 n-9 (trans-))</i>	LFOD-TST-SOP-8444 (GC-FID) (*)	0.0177	0.0001	0.0003	g/100g	
19. Cholesterol <i>Cholesterol</i>	LFOD-TST-SOP-8554	8.1	0.3	1	mg/100g	
20. Total sugars (sum of Fructose, Galactose, Glucose, Isomaltose, Lactose, Lactulose, Maltose, Melibiose, Rhamnose, Sucrose, and Xylose) <i>Đường tổng (tổng của Fructose, Galactose, Glucose, Isomaltose, Lactose, Lactulose, Maltose, Melibiose, Rhamnose, Sucrose và Xylose)</i>	AOAC 2018.16	2.98	_(a)	_(a)	g/100g	
21. Fructose <i>Fructose</i>	AOAC 2018.16	0.300	0.03	0.1	g/100g	
22. Galactose <i>Galactose</i>	AOAC 2018.16	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.03	0.1	g/100g	
23. Glucose <i>Glucose</i>	AOAC 2018.16	0.651	0.03	0.1	g/100g	
24. Isomaltose <i>Isomaltose</i>	AOAC 2018.16	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.03	0.1	g/100g	
25. Lactose <i>Lactose</i>	AOAC 2018.16	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.03	0.1	g/100g	

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
 t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 0001097074

Page N° 4/7

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
26. Lactulose <i>Lactulose</i>	AOAC 2018.16	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.03	0.1	g/100g	
27. Maltose <i>Maltose</i>	AOAC 2018.16	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.03	0.1	g/100g	
28. Melibiose <i>Melibiose</i>	AOAC 2018.16	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.03	0.1	g/100g	
29. Rhamnose <i>Rhamnose</i>	AOAC 2018.16	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.03	0.1	g/100g	
30. Sucrose <i>Sucrose</i>	AOAC 2018.16	2.03	0.03	0.1	g/100g	
31. Xylose <i>Xylose</i>	AOAC 2018.16	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.03	0.1	g/100g	
32. Aflatoxin (sum of B1, B2, G1, and G2) <i>Aflatoxin (tổng của B1, B2, G1 và G2)</i>	LFOD-TST-SOP-8456	<1	_(a)	_(a)	µg/kg	
33. Aflatoxin B1 <i>Aflatoxin B1</i>	LFOD-TST-SOP-8456	<1	0.3	1	µg/kg	
34. Aflatoxin B2 <i>Aflatoxin B2</i>	LFOD-TST-SOP-8456	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.3	1	µg/kg	
35. Aflatoxin G1 <i>Aflatoxin G1</i>	LFOD-TST-SOP-8456	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.3	1	µg/kg	
36. Aflatoxin G2 <i>Aflatoxin G2</i>	LFOD-TST-SOP-8456	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.3	1	µg/kg	
37. Deoxynivalenol <i>Deoxynivalenol</i>	LFOD-TST-SOP-8456	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	3	10	µg/kg	
38. Ochratoxin A <i>Ochratoxin A</i>	LFOD-TST-SOP-8456	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.3	1	µg/kg	
39. Zearalenone <i>Zearalenone</i>	LFOD-TST-SOP-8456	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	1	3	µg/kg	
40. Organomercury (including methylmercury, expressed as Hg) <i>Thủy ngân hữu cơ (Bao gồm methyl thủy ngân, quy về Hg)</i>	EN 17266:2019	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.003	0.01	mg/kg	
41. Sodium benzoate (as benzoic acid) <i>Natri benzoat (quy về axit benzoic)</i>	LFOD-TST-SOP-8467	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	1	3	mg/kg	
42. Arsenic (As) <i>Asen</i>	LCHE-TST-WI-8775	0.10	0.01	0.02	mg/kg	

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 0001097074

Page N° 5/7

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
43. Cadmium (Cd) <i>Cadimi</i>	LCHE-TST-WI-8775	0.022	0.005	0.01	mg/kg	
44. Lead (Pb) <i>Chì</i>	LCHE-TST-WI-8775	0.027	0.01	0.02	mg/kg	
45. Mercury (Hg) <i>Thủy ngân</i>	LCHE-TST-WI-8775	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.005	0.01	mg/kg	
46. Calcium (Ca) <i>Canxi</i>	AOAC 2011.14	66	0.5	1	mg/100g	
47. Iron (Fe) <i>Sắt</i>	AOAC 2011.14	1.0	0.025	0.05	mg/100g	
48. Potassium (K) <i>Kali</i>	AOAC 2011.14	135	0.5	1	mg/100g	
49. Sodium (Na) <i>Natri</i>	AOAC 2011.14	1755	0.5	1	mg/100g	

Note/Ghi chú:

- All methods were accredited with ISO 17025 by BoA or AOAC (without or with a triangle symbol (Δ) after the methods, respectively), except for the methods/analytes marked with an asterisk (*).
Tất cả phương pháp được công nhận ISO 17025 bởi BoA hoặc AOAC (không có hoặc có kí hiệu hình tam giác (Δ) tương ứng ngay sau phương pháp), ngoại trừ những phương pháp/chỉ tiêu được đánh dấu một sao ().*
- All methods were performed by SGS Vietnam Ltd (the ones marked with the superscript number one (¹) were performed by SGS Can Tho Lab), except for the ones that were done by subcontractors (their names were mentioned in the parentheses after the method) and marked with two asterisks (**) after the analyte name.
*Tất cả phương pháp thử được thực hiện bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH (phương pháp được đánh dấu với chữ số một bên trên (¹) được thực hiện bởi PTN SGS Cần Thơ), trừ các phương pháp được thực hiện bởi nhà thầu phụ (tên nhà thầu phụ được đề cập trong ngoặc đơn ngay sau phương pháp) và được đánh dấu hai sao (**) sau tên chỉ tiêu.*
- All methods (e.g.: AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, SGS Laboratory developed method...) not stated with the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.
Tất cả các phương pháp (như AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, phương pháp thử nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.
- Testing time of all analytes was stated in the "Testing Period" (page 1) unless specified separately.
Thời gian thử nghiệm của tất cả chỉ tiêu phân tích được đề cập tại "Thời gian thử nghiệm" (trang 1) trừ khi được chỉ rõ riêng.
- (2) Including digestible starch, maltodextrins, isomalto-oligosaccharides, isomaltose, sucrose, lactose, glucose, fructose, galactose, turanose, isomaltulose, arabinose and 40 % of lactulose. It does not include polyols, melibiose, rhamnose, xylose, fucose, mannose, ribose, trehalose, cellobiose, tagatose and allulose.
(2) Bao gồm tinh bột tiêu hóa, maltodextrins, isomalto-oligosaccharides, isomaltose, sucrose, lactose, glucose, fructose, galactose, turanose, isomaltulose, arabinose và 40 % lactulose. Không bao gồm polyols, melibiose, rhamnose, xylose, fucose, mannose, ribose, trehalose, cellobiose, tagatose và allulose.
- (VN) Carbohydrate (not including dietary fiber) factor: 4 kcal/g, Fat factor: 9 kcal/g, Protein factor: 4 kcal/g; 1 kcal = 4.184 kJ (Source: FAO - Food and Nutrition paper 77 (2003)).
(VN) Hệ số của carbohydrate (không bao gồm xơ): 4 kcal/g, hệ số của chất béo: 9 kcal/g, hệ số của chất đạm: 4 kcal/g; 1 kcal = 4.184 kJ (Nguồn: FAO – Thực phẩm và Dinh dưỡng số 77 (2003)).
- (US) Carbohydrate (total) factor: 4 kcal/g, Fat factor: 9 kcal/g, Protein factor: 4 kcal/g; 1 kcal = 4.184 kJ (Source: FAO - Food and Nutrition paper 77 (2003) & USDA Food Composition Databases).
(US) Hệ số của carbohydrate tổng: 4 kcal/g, hệ số của chất béo: 9 kcal/g, hệ số của chất đạm: 4 kcal/g; 1 kcal = 4.184 kJ (Nguồn: FAO – Thực phẩm và Dinh dưỡng số 77 (2003) & Cơ sở dữ liệu dinh dưỡng thực phẩm quốc gia của USDA).

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
 t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn



Report N°: 0001097074

Page N° 6/7

- Total carbohydrate was calculated as sum of available carbohydrate, insoluble dietary fiber IDF and high molecular weight soluble dietary fiber HMW SDF with assuming that there was no Low molecular weight soluble dietary fiber LMW SDF as client confirmed.
Carbohydrate tổng được tính từ tổng số của carbohydrate hữu hiệu với xơ không hòa tan IDF và xơ hòa tan phân tử lượng cao HMW SDF với giả định rằng mẫu không có chứa xơ hòa tan phân tử lượng thấp LMW SDF theo xác nhận của khách hàng.
- (F) The result that was calculated by sum of insoluble dietary fiber (IDF) and high molecular weight soluble dietary fiber (HMW SDF) was not included with low molecular weight soluble dietary fiber (LMW SDF).
(F) Kết quả được tính từ tổng hàm lượng xơ không hòa tan (IDF) và xơ hòa tan phân tử lượng cao (HMW SDF), không bao gồm xơ hòa tan phân tử lượng thấp (LMW SDF).
- LOD = Limit of Detection. LOD is referred to the estimated Level of Detection at 50% of probability of detection (eLOD50) when applied to the qualitative microbiological analytes, Probability of Detection (POD) when applied to qualitative chemical analytes, or Probability of Identification (POI) when applied to identification analytes. The result of the analyte with the concentration below or equal to LOD is reported as Not Detected.
LOD = Giới hạn phát hiện. LOD ứng với mức phát hiện ước lượng mà 50% các phép thử nghiệm cho kết quả dương tính (eLOD50) khi áp dụng cho chỉ tiêu vi sinh định tính, khả năng phát hiện (POD) khi áp dụng cho chỉ tiêu hóa định tính hoặc khả năng định danh (POI) khi áp dụng cho chỉ tiêu nhận danh. Kết quả chất phân tích nhỏ hơn hoặc bằng LOD được báo cáo là Không phát hiện.

LOQ = Limit of Quantification. When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as <LOQ. If the quantifiable result was calculated from individual analytes, it was done using unrounded single values without the ones below LOQ, or it was expressed as less than the sum of the individual LOQs of detected analytes when the concentration of all detected analytes was <LOQ. For microbiological analytes, according to the plate count testing method with the initial dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <10 cfu/g (or <10 cfu/mL) if 1 mL of the diluted solution was incubated or <1 cfu/g (or <1 cfu/mL) if 10 mL of the diluted solution was incubated, <100 cfu/g (or <100 cfu/mL) for samples with further dilution of 10, <1 cfu/mL for pipettable samples without dilution, <10 cfu/sample (or <10 cfu/swab) for hygiene environment samples that are required to report on whole tested samples, or <10 cfu/area for hygiene environment samples that are required to report on specific area; according to the membrane filter method without further dilution, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <1 cfu per sample volume tested; according to MPN technique if there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative and reported as 0 MPN/g (or 0 MPN/mL) for samples without further dilution (i.e. sample amount of 1 g (or 1 mL) in the series of the highest concentration tubes), 0 MPN/0.1g (or 0 MPN/0.1mL) for samples with further dilution of 10 (i.e. sample amount of 0.1 g (or 0.1 mL) in the series of the highest concentration tubes), or <1.8 MPN/100mL for water samples (i.e. sample amount of 10 mL in the series of the highest concentration tubes).

LOQ = Giới hạn định lượng. Khi chất phân tích hóa học được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là <LOQ. Nếu kết quả có thể định lượng được tính từ các chất phân tích riêng lẻ, nó được thực hiện từ các giá trị đơn lẻ chưa được làm tròn và không bao gồm các giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng, hoặc được biểu thị dưới dạng nhỏ hơn tổng của các LOQ riêng lẻ của các chất phân tích phát hiện khi nồng độ tất cả các chất phát hiện đều <LOQ. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, theo phương pháp thử nghiệm đổ đĩa với hệ số pha loãng ban đầu là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <10 cfu/g (hoặc <10 cfu/mL) nếu 1 mL dịch pha loãng đã được ủ hoặc <1 cfu/g (hoặc <1 cfu/mL) nếu 10 mL dịch pha loãng mẫu được ủ, <100 cfu/g (hoặc <100 cfu/mL) đối với mẫu pha loãng thêm 10 lần, <1 cfu/mL đối với mẫu có thể rút được mà không pha loãng, <10 cfu/mẫu (hoặc <10 cfu/swab) đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên toàn bộ mẫu được kiểm, hoặc <10 cfu/diện tích đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên diện tích cụ thể; theo phương pháp lọc mà không pha loãng thêm, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <1 cfu/thể tích mẫu được kiểm; theo kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất, nếu không có bất kỳ phản ứng nào nghi ngờ sau khoảng thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính và báo cáo được thể hiện là 0 MPN/g (hoặc 0 MPN/mL) với mẫu không pha loãng thêm (tương ứng với hàm lượng mẫu 1 g (hoặc 1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất), 0 MPN/0.1g (hoặc 0 MPN/0.1mL) với mẫu đã được pha loãng 10 lần (tương ứng với hàm lượng mẫu 0.1 g (hoặc 0.1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất) hoặc <1.8 MPN/100mL với nền mẫu nước (tương ứng với hàm lượng mẫu 10 mL ở dãy ống có nồng độ cao nhất).

_(a) Refer to LOD/LOQ of the individual analytes that were used to calculate the sum analyte.

_(a) Tham khảo LOD/LOQ của từng chất riêng lẻ tương ứng được dùng để tính chỉ tiêu tổng.

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,

Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam

t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 0001097074

Page N° 7/7

PHOTO APPENDIX PHỤ LỤC HÌNH ẢNH



REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE(S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác

*** END OF THE REPORT ***

Your feedback helps us improve our service.
Please scan and rate us here



[Customer's feedback - Food Lab](#)

Signed for and on behalf of

SGS Vietnam LTD.

Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam TNHH
Lâm Văn Xự

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,

Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam

t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN GLOBALCERT

GLOBALCERT CERTIFICATION JSC



VICAS HTS-FSMS

GL 0400-FSMS

GIẤY CHỨNG NHẬN CERTIFICATE

Số/No.: GL 0400/2025-FSMS

Chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm của:
CÔNG TY TNHH SX TMDV KHÁNH THỌ

Certify that the Food Safety Management System of
KHANH THO PRODUCTION TRADING SERVICE COMPANY LIMITED

Địa chỉ: Số nhà 53, đường Yết Kiêu, phường Hải Tân, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Address: House number 53, Yết Kiêu Street, Hai Tan Ward, Hai Duong City, Hai Duong Province, Vietnam

Địa chỉ sản xuất: Cụm Công nghiệp Thạch Khôi, phường Thạch Khôi, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Address: Thạch Khôi Industrial Cluster, Thạch Khôi Ward, Hai Duong City, Hai Duong Province

Cho lĩnh vực hoạt động: (CIV, FI) Sản xuất và kinh doanh mỹ ăn liền các loại
For the following activities: (CIV, FI) Producing and trading all kinds of instant noodles

Đã được đánh giá phù hợp với tiêu chuẩn:

Has been assessed and found to conform with the requirements of the following standard:

TCVN ISO 22000:2018 / ISO 22000:2018

Giấy chứng nhận có giá trị từ ngày 15/3/2025 đến 14/3/2028

This certificate is valid from Mar 15th, 2025 to Mar 14th, 2028

Giấy chứng nhận chỉ có hiệu lực khi duy trì thực hiện giám sát 1 lần/năm và 2 lần giám sát 3 năm. Lần giám sát đầu tiên kể từ ngày 15/3/2026 được ban hành bằng công văn duy trì hiệu lực chứng nhận

The certificate is only valid when maintaining supervision once/year and two monitoring times/three years. The first supervision since Mar 15th, 2026 will be official certificate validity maintenance

Đã Nồng, ngày 15 tháng 3 năm 2025

GIAM ĐỐC
Director



LÊ HỮU THỌ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN GLOBALCERT

Địa chỉ: 79 Quang Trung, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng; VP giao dịch: 117/21 Nguyễn Lương Bằng, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng
* Website: globalcert.com.vn, Tel: 0236 1 66 99 22/ 0908 310 431 * Email: globalcert18@gmail.com

Họ và tên: BUI THI KHANH

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 26/11/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 142467870

Ngày cấp: 02/11/2003

Nơi cấp: Công an tỉnh Hải Dương

Địa chỉ thường trú: Số nhà 33, đường Yết Kiêu, Phường Hải Tân, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số nhà 33, đường Yết Kiêu, Phường Hải Tân, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Thị L

TRƯỞNG PHÒNG



TRƯỞNG PHÒNG
Vũ Huy Cường

Số/ No.: VLAB0-260511-036/1

Ngày phát hành/ Issue date : 22/05/2026
Trang/ Page : 1/2

Tên khách hàng/ Company⁽¹⁾: **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT MỸ ĂN LIÊN BÁNH ĐA CÁ RÔ KHÁNH THỌ**
Địa chỉ/ Address⁽¹⁾: **Số nhà 53, đường Yết Kiêu, phường Tân Hưng, thành phố Hải Phòng, Việt Nam**
Ngày nhận mẫu/ Date of sample receipt: **11/05/2026**
Thời gian thử nghiệm/ Testing period: **11/05/2026 đến 22/05/2026**
Tên mẫu/ Sample Name⁽¹⁾: **Bánh đa cá rô đồng ăn liền Khánh Thọ**
Mô tả mẫu/ Sample description: **Mẫu chứa trong túi nhựa kín/ Sample in sealed plastic bag.**

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULTS
[Xem trang kế/ See next page (s)]

Ghi chú/ Notes:

⁽¹⁾ Thông tin do khách hàng cung cấp/ ⁽¹⁾ Information provided by client.

(a) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (a) Parameter is accredited to ISO/IEC 17025:2017.

(b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật/ (b) Parameter is designated by the Department of Crop Production and Plant Protection.

(c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn nuôi và Thú y/ (c) Parameter is designated by the Department of Livestock Production and Veterinary.

(d) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường/ (d) Parameter is designated by the National Authority for Agro-Forestry-Fishery Quality, Processing and Market Development.

(e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ (e) Parameter designated by the Ministry of Industry and Trade.

(s) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/ (s) Parameter was performed by the subcontractor.

Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử/ The test results are valid only on submitted sample.

- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of quantification.

- KPH/ ND: Không phát hiện/ Not detected.

- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.

Tất cả các chỉ tiêu (ngoại trừ chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ) được thực hiện bởi Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ VietLabs – Trung tâm phân tích/ All parameters (except subcontracted items) were performed by the Branch of VietLabs Technology JSC – Analysis Center.

Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần báo cáo này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ Test Report is a unified whole, no part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.

Phụ trách phòng thí nghiệm
Officer in charge of Laboratory



Nguyễn Ngọc Hân

Tổng giám đốc
General Director



Nguyễn Quốc Toàn

Ngày hiệu lực/ Effective date: 25/03/2026

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/ Testing Center

Hồ Chí Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Xuyên, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Xuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-260511-036/1

Ngày phát hành/ Issue date : 22/05/2026
Trang/ Page : 2/2

Kết quả/ result

TT No.	Chỉ tiêu Parameter	Phương pháp phân tích Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	LOQ
1.	Năng lượng/Energy	FAO, Food and Nutrition P.77, 2003	Kcal/100g	271	-
2.	Hàm lượng đạm/Protein content	TCVN 10034:2013(a)	g/100g	9,47	-
3.	Hàm lượng Carbohydrat (không bao gồm xơ)/Carbohydrate (not include dietary fiber) content	FAO, Food and Nutrition P.77, 2003	g/100g	47,6	-
4.	Hàm lượng Béo tổng/Total fat content	VLAB-CH-TP-106(a)	g/100g	4,78	-
5.	Hàm lượng Natri (Na)/Sodium (Na) content	VLAB-CH-TP-204 (Ref. AOAC 969.23)(a)	mg/100g	1779	-
6.	Hàm lượng Chì (Pb)/Lead (Pb) content	AOAC 2015.01(a)	mg/kg	KPH/ND	0,05
7.	Hàm lượng Cadimi (Cd)/Cadmium (Cd) content	AOAC 2015.01(a)	mg/kg	KPH/ND	0,015
8.	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)/Mercury (Hg) content	AOAC 2015.01(a)	mg/kg	KPH/ND	0,02
9.	Aflatoxin tổng số/Aflatoxin total	VLAB-CH-TP-599(a)	µg/kg	KPH/ND	2
10.	Aflatoxin B1	VLAB-CH-TP-599(a)	µg/kg	KPH/ND	0,5
11.	Ochratoxin A (OTA)	VLAB-CH-TP-599(a)	µg/kg	KPH/ND	0,5
12.	Zearalenone (ZEN)	VLAB-CH-TP-599(a)	µg/kg	KPH/ND	20
13.	Deoxynivalenol (DON)	VLAB-CH-TP-599(a)	µg/kg	KPH/ND	50
14.	Methyl Mercury (MeHg)	HD.TN.437: 2023 (Ref. 17266:2019)(a),(s)	mg/kg	KPH/ND	LOD = 0.03

Ghi chú/ Remark(s): Không/ Nil

[Kết thúc báo cáo/ End of report]

Ngày hiệu lực/ Effective date: 25/03/2026

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province